

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09/8/2018
V/v “Tranh chấp về chia tài sản chung
của vợ chồng sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Hồng Q Minh;
2. Bà: Mai Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 65/2018/TLST-HNGĐ ngày 12/4/2018 về “*Tranh chấp về chia tài sản chung sau khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Đinh Th T, sinh năm 1970. *(Có mặt)*

Địa chỉ: thôn Nghi Trung, xã QH, huyện QS, tỉnh QN.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lê Văn Anh – Văn phòng luật sư Nguyễn Tấn, Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. *(Có mặt)*

Địa chỉ: số 01 Chu Văn An, thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn có yêu cầu phản tố: anh Trần Đ Q, sinh năm 1971. *(Có mặt)*

Địa chỉ: thôn Nghi Trung, xã QH, huyện QS, tỉnh QN.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: bà Đặng Th Ng,

sinh năm 1946. (Có mặt)

Địa chỉ: thôn Phú Dương, xã QT, huyện QS, tỉnh QN.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Bùi V S, sinh năm 1954. (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Nghi Hạ, xã QH, huyện QS, tỉnh QN.

+ Anh Trần Đ B, sinh năm 1996. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Công an phường H H B, quận L C, thành phố ĐN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2017, bản tự khai, tại các phiên hòa giải và trong quá trình xét xử, nguyên đơn – bà Đinh Th T trình bày:

Bà và ông Q được Tòa án xử cho ly hôn vào năm 2017. Về phần tài sản chung, ông bà chưa yêu cầu chia. Nay, bà T yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 ngôi nhà cấp bốn xây dựng trên thửa đất số 681, tờ bản đồ số 10, diện tích 131,6 m², có giá trị là 148.911.200 đồng; 01 rừng keo lá tràm có diện tích 2.958 m² tại thôn Phú Dương, xã Quế Thuận có giá trị 26.389.000 đồng, 01 xe máy hiệu Lead, biển kiểm soát 92R - 6475 có giá 28.000.000 đồng, 01 dàn nhạc có giá trị 30.000.000 đồng; 02 tủ lạnh có giá trị 6.000.000 đồng; 01 máy giặt có giá 1.500.000 đồng, 01 ti vi Sony có giá 4.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung 243.550.200 đồng. Bà T yêu cầu giao cho ông Q sở hữu tài sản và ông Q thối trả lại ½ giá trị cho bà là 121.775.100 đồng. Nếu ông Q không thối trả được, bà T xin nhận tài sản và thối trả lại cho ông Q. Bà T rút lại phần yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất, thửa đất số 681, tờ bản đồ số 10, tại thôn Nghi Trung, xã QH, huyện QS. Đối với yêu cầu của bà Đặng Th Ng đòi lại quyền sử dụng đất tại thửa nêu trên, bà T không thống nhất và đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà Nghi.

Đối với chiếc xe máy hiệu Honda, biển số 92G1 - 00888, giấy đăng ký mô tô đứng tên Trần Đ Q, bà T thống nhất cho anh Trần Đ B sử dụng, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, đơn yêu cầu phản tố, các phiên hòa giải và trong quá trình xét xử, bị đơn có yêu cầu phản tố – ông Trần Đ Q trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Th T: Ông Q thống nhất tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn như lời trình bày của bà T. Tổng giá trị tài sản chung 243.550.200 đồng. Ông Q yêu cầu được nhận ngôi nhà có giá trị 148.911.200 đồng, ông Q thối trả ½ giá trị nhà cho bà T, ông Q nhận chiếc xe biển kiểm soát 92R - 6475 có giá 28.000.000 đồng, số tài sản còn lại ông Q giao hết cho bà T sở hữu mà không cần chia giá trị.

Đối với yêu cầu của bà Đặng Th Ng về quyền sử dụng đất tại thửa 681, tờ bản đồ số 10: Ông Q xác định thửa đất này Tộc quyền sở hữu của bà Đặng Th Ng. Ông Q thống nhất với yêu cầu của bà Nghi, ông Q đề nghị bà T trả lại thửa đất đó cho bà

Nghi.

Tại phiên tòa, ông Q xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố về việc chia khoản tài sản chung vợ chồng số tiền 150.000.000 đồng, 18 chỉ vàng 9999 và 06 chỉ vàng 18K, 01 máy nước mía có giá trị 8.500.000 đồng, 01 máy may công nghiệp và may vắt sổ có giá trị có giá trị 1.825.000 đồng, 01 bộ bàn ghế sofa và 01 cái tủ trưng bày có giá trị là 3.500.000 đồng.

Tại bản tự khai, đơn yêu cầu, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập - bà Đặng Th Ng trình bày:

Vào năm 1995, bà Nghi có mua của Công ty lương thực Quế Sơn 01 nhà kho với giá 7.000.000 đồng. Sau đó, bà cho ông Trần Đ Q và bà Đinh Th T ở nhờ. Thời gian sau, ông Q và bà T tháo dỡ kho lương thực, xây dựng nhà mới hiện nay. Nay, bà T yêu cầu chia tài sản chung, bà Nghi yêu cầu bà T và ông Q trả lại quyền sử dụng đất. Bà Nghi không cung cấp được chứng cứ gì về quyền sử dụng đất.

Bà Nghi rút yêu cầu về việc buộc ông Q và bà T trả cho bà 04 chỉ vàng 9999.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/7/2017, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi V S trình bày:

Vào khoảng năm 2000, ông S có bán cho ông Q và bà T diện tích đất nông nghiệp có chiều ngang là 1,2 mét, chiều dài là 9 mét; giáp với thửa đất có kho lương thực của bà Nghi với giá 300.000 đồng. Hai bên chỉ thỏa Tận miệng, không có giấy tờ gì. Nay bà T khởi kiện chia tài sản, ông không có ý kiến gì và yêu cầu được vắng mặt.

Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - anh Trần Đ B trình bày:

Chiếc xe máy hiệu Honda, biển số 92G1 - 00888, giấy đăng ký mô tô đứng tên Trần Đ Q là tài sản Tộc quyền sở hữu của ông Q và bà T. Nay ông Q và bà T cho thì anh Bnhận. Nếu ông Q và bà T yêu cầu trả lại, anh Bthống nhất trả lại.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, riêng người có quyền lợi liên quan khác vắng mặt không có lý do là vi phạm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thỏa Tận chia tài sản chung của bà T, ông Q. Đình chỉ một phần về yêu cầu chia quyền sử dụng đất của

bà T. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của ông Q. Đình chỉ giải quyết yêu cầu trả vàng của bà Nghi, không chấp nhận yêu cầu của bà Nghi về việc đòi lại đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi V S và anh Trần Đ B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi V S và anh Trần Đ B tại phiên tòa.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đinh Th T và ông Trần Đ Q, cư trú tại thôn Nghi Trung, xã QH, huyện QS, tỉnh QN. Nay, bà T yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn, nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn*”, Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Đối với việc bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện chia quyền sử dụng đất tại thửa số 681, tờ bản đồ số 10: Do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu này của bà T.

[4]. Về tài sản chung, ông Q và bà T thống nhất tài sản chung của vợ chồng bao gồm 01 ngôi nhà cấp bốn xây dựng trên thửa đất số 681, tờ bản đồ số 10, diện tích 131,6 m², có giá trị là 148.911.200 đồng; 01 rừng keo lá tràm có diện tích 2.958 m² tại thôn Phú Dương, xã Quế Tân có giá trị 26.389.000 đồng, 01 xe máy hiệu Lead, biển kiểm soát 92R - 6475 có giá 28.000.000 đồng, 01 dàn nhạc có giá trị 30.000.000 đồng; 02 tủ lạnh có giá trị 6.000.000 đồng; 01 máy giặt có giá 1.500.000 đồng, 01 ti vi Sony có giá 4.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 243.550.200 đồng. Bà T và ông Q thỏa Thuận: ông Q sở hữu căn nhà có giá trị là 148.911.200 đồng và xe biển kiểm soát 92R - 6475 có giá 28.000.000 đồng và ông Q có nghĩa vụ bồi trả lại ½ giá trị căn nhà cho bà T. Ông Q giao toàn bộ 01 rừng keo lá tràm có diện tích 2.958 m² tại thôn Phú Dương, xã Quế Thuận có giá trị 26.389.000 đồng, 01 dàn nhạc có giá trị 30.000.000 đồng; 02 tủ lạnh có giá trị 6.000.000 đồng; 01 máy giặt có giá 1.500.000 đồng, 01 ti vi Sony có giá 4.500.000 đồng cho bà T mà không cần chia giá trị. Thỏa Thuận của đương sự không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 213, Điều 218 Bộ luật dân sự cần chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa, ông Q tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu phản tố, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của ông Q.

[6]. Đối với chiếc xe máy hiệu Honda, biển số 92G1 – 00888, giấy đăng ký

mô tô đứng tên Trần Đ Q, ông Q, bà T và anh B đều xác định đây là tài sản chung của vợ chồng ông Q, bà T nhưng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Đối với yêu cầu của bà Đặng Th Ng: Qua các lời khai của bà Nghi, ông Trần Đ H, ông Trần Đ L, ông Võ N P và ông ĐB thì vào năm 1996, bà Nghi có mua 01 nhà kho của Công ty lương thực Quế Sơn với diện tích khoảng 80 - 100 m². Nhà kho được xây gạch, mái lợp tôn, nhà hai gian. Ông Võ N P – Nguyên giám đốc công ty lương thực huyện Quế Sơn và ông Đặng B – nguyên Trưởng phòng tổ chức kế hoạch công ty lương thực Quế Sơn - Người đứng ra thực hiện việc bán thanh lý nhà kho khẳng định: công ty lương thực Quế Sơn chỉ bán nhà kho cho bà Nghi và giao đất lại cho địa phương quản lý. Theo kết quả xác minh ngày 11/7/2018 và ngày 23/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Quế Hiệp thì tên chủ sử dụng đất đối với thửa đất số 681, tờ bản đồ số 10 là Ủy ban nhân dân xã Quế Hiệp. Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 10 có diện tích 550 m². Diện tích đất do ông S bán cho ông Q không nằm trong thửa 681, tờ bản đồ số 10 và không Tộc quyền sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S. Tại công văn số 64/UBND –NC ngày 22/01/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Quế Sơn trả lời “trước khi công nhận quyền sử dụng đất cho ông Q và bà T, Ủy ban nhân dân xã Quế Hiệp phải lập hồ sơ đề nghị T hỏi đất của Công ty lương thực Quế Sơn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt”. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy chưa có đủ cơ sở để xác định quyền sở hữu phần diện tích đất có nhà của ông Q, bà T Tộc quyền sử dụng của bà Nghi, nên yêu cầu của bà Nghi không được chấp nhận.

[8]. Tại phiên tòa, bà Nghi tự nguyện rút yêu cầu về việc đòi 4 chỉ vàng 9999, nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với khoản yêu cầu này.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 213, Điều 218 Bộ luật dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận sự thỏa Thuận của bà Đinh Th T và ông Trần Đ Q về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn. Tài sản chung của ông Q và bà T có tổng giá trị là 245.300.200 đồng, mỗi bên được nhận tài sản có giá trị cụ thể như sau:

- Ông Trần Đ Q được nhận quyền sở hữu 01 ngôi nhà cấp bốn xây dựng trên thửa đất số 681, tờ bản đồ số 10, diện tích 131,6 m², có giá trị là 148.911.200 đồng; 01 xe máy hiệu Lead, biển kiểm soát 92R - 6475 có giá 28.000.000 đồng.

Ông Trần Đ Q có nghĩa vụ thối trả cho bà Đinh Th T số tiền 74.455.600 đồng

- Bà Đinh Th T được nhận: 01 rừng keo lá tràm 03 năm tuổi trên diện tích 2.958 m² đất rừng Tộc dự án 327 tại thôn Phú Dương, xã Quế Thuận (*Có trích đo địa chính kèm theo*) có giá trị 26.389.000 đồng, 01 dàn nhạc có giá trị 30.000.000 đồng; 02 tủ lạnh có giá trị 6.000.000 đồng; 01 máy giặt có giá 1.500.000 đồng, 01 tivi Sony có giá 4.500.000 đồng, số tiền 74.455.600 đồng do ông Trần Đ Q thối trả.

Thời hạn cuối bà T phải khai thác (Thu hoạch) rừng keo lá tràm ngày 09/8/2020.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Ng về việc buộc ông Q, bà T trả lại thửa đất số 681, tờ bản đồ số 10 có diện tích 550 m² tại thôn Nghi Trung, xã QH, huyện QS, tỉnh QN.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Th T về yêu cầu chia quyền sử dụng đất tại thửa số 681, tờ bản đồ số 10. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của ông Q. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Nghi về việc buộc ông Q, bà T trả 4 chỉ vàng.

Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đối với phần yêu cầu đã đình chỉ theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

- Bà Đinh Th T phải chịu án phí chia tài sản 7.142.230 (*Bảy triệu một trăm bốn hai ngàn hai trăm ba mươi*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 8.250.000 (*Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn*) đồng theo biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006376 ngày 12/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Bà T được nhận lại tiền thừa 1.107.770 (*Một triệu một trăm lẻ bảy ngàn bảy trăm bảy mươi*) đồng.

- Ông Trần Đ Q phải chịu án phí chia tài sản là 5.122.780 (*Năm triệu một trăm hai mươi hai ngàn, bảy trăm tám mươi*) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Q đã nộp là 3.271.000 (*Ba triệu hai trăm bảy mươi một nghìn*) đồng theo biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006396 ngày 16/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Ông Q

còn phải tiếp tục nộp thêm 1.851.780 (*Một triệu tám trăm năm một ngàn bảy trăm tám mươi đồng*).

- Bà Đặng Th Ng được miễn nộp án phí do Tộc trường hợp người cao tuổi.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có quyền làm đơn kháng cáo gửi lên Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thọ